ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1780 /QĐ-UBND	*Bình Thuận, ngày 04 tháng 10 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình tích hợp trên Cổng dịch vụ công quốc gia thực hiện trong năm 2024 trên địa bàn tỉnh Bình Thuận

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Bộ trưởng, chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Thực hiện Kế hoạch số 274/KH-UBND ngày 23/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Kiểm soát thủ tục hành chính nhà nước năm 2024 tỉnh Bình Thuận;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình được tích hợp trên Cổng dịch vụ công quốc gia triển khai trong năm 2024 trên địa bàn tỉnh (số lượng: 98 TTHC, chi tiết tại phụ lục đính kèm).

Điều 2. Giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị và địa phương thực hiện tích hợp danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình của tỉnh lên Cổng dịch vụ công quốc gia được phê quyệt tại Điều 1 của Quyết định này. Thời gian hoàn thành trong tháng 10 năm 2024.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; chủ tịch ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Trung tâm Hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT, NCKSTTHC.

CHỦ TỊCH

Đoàn Anh Dũng

Phụ lục

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐỀ NGHỊ TÍCH HỢP TRÊN CỔNG DỊCH VỤ CÔNG QUỐC GIA

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1780 /QĐ-UBND ngày 04 /10 /2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC
I	**Sở Tư pháp: 01 TTHC**	
1	1.008914.000.00.00.H11	Cấp lại giấy đăng ký hoạt động trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh trung tâm hòa giải thương mại, giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam
II	**Sở Xây dựng: 08 TTHC**	
1	1.009996.000.00.00.H11	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình không theo tuyến/theo tuyến trong đô thị/tín ngưỡng, tôn giáo/tượng đài, tranh hoành tráng/theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/dự án) và nhà ở riêng lẻ
2	1.009980.000.00.00.H11	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài thuộc dự án nhóm B, nhóm C
3	1.009984.000.00.00.H11	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng (trường hợp chứng chỉ mất, hư hỏng)
4	1.009985.000.00.00.H11	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III (do lỗi của cơ quan cấp)
5	1.009981.000.00.00.H11	Điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài thuộc dự án nhóm B, nhóm C
6	1.008891.000.00.00.H11	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc
7	1.008989.000.00.00.H11	Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc (do chứng chỉ hành nghề bị mất, hư hỏng hoặc thay đổi thông tin cá nhân được ghi trong chứng chỉ hành nghề kiến trúc)
8	1.008990.000.00.00.H11	Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp chứng chỉ hành nghề
III	**Sở Khoa học và Công nghệ: 18 TTHC**	
1	1.007246.000.00.00.H11	Thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý "Phan Thiết" dùng cho sản phẩm nước mắm
2	1.007251.000.00.00.H11	Thủ tục sửa đổi, bổ sung nội dung, cấp đổi giấy

		chứng nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý "Phan Thiết" dùng cho sản phẩm nước mắm
3	1.007258.000.00.00.H11	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý "Phan Thiết" dùng cho sản phẩm nước mắm
4	1.007259.000.00.00.H11	Thủ tục gia hạn giấy chứng nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý "Phan Thiết" dùng cho sản phẩm nước mắm
5	1.007260.000.00.00.H11	Thủ tục chấm dứt hiệu lực giấy chứng nhận quyền chỉ dẫn địa lý "Phan Thiết" dùng cho sản phẩm nước mắm
6	1.007261.000.00.00.H11	Thủ tục thu hồi giấy chứng nhận quyền chỉ dẫn địa lý "Phan Thiết" dùng cho sản phẩm nước mắm
7	1.011937.000.00.00.H11	Thủ tục cấp giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp
8	1.011938.000.00.00.H11	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp
9	1.011939.000.00.00.H11	Thủ tục thu hồi giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp
10	2.002253.000.00.00.H11	Thủ tục cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hoá của tổ chức, cá nhân
11	1.011818.000.00.00.H11	Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
12	1.011820.000.00.00.H11	Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước (cấp tỉnh)
13	1.011815.000.00.00.H11	Thủ tục mua sáng chế, sáng kiến
14	1.011816.000.00.00.H11	Thủ tục hỗ trợ kinh phí hoặc mua công nghệ được tổ chức, cá nhân trong nước tạo ra từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để sản xuất sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực
15	2.002544.000.00.00.H11	Thủ tục cấp giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao
16	2.002548.000.00.00.H11	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao
17	1.011812.000.00.00.H11	Thủ tục công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân

		tự đầu tư nghiên cứu
18	1.011814.000.00.00.H11	Thủ tục hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu
IV	**Sở Lao động – Thương binh và Xã hội: 08 TTHC**	
1	2.000134.000.00.00.H11	Khai báo với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội địa phương khi đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động
2	2.002028.000.00.00.H11	Đăng ký hợp đồng lao động trực tiếp giao kết
3	1.000091.000.00.00.H11	Đề nghị chấm dứt hoạt động cơ sở hỗ trợ nạn nhân
4	2.000286.000.00.00.H11	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, huyện
5	1.001978.000.00.00.H11	Giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp
6	1.004946.000.00.00.H11	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em
7	1.004944.000.00.00.H11	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em
8	1.012091.000.00.00.H11	Đề nghị việc sử dụng người chưa đủ 13 tuổi làm việc
V	**Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 42 TTHC**	
1	1.004645.000.00.00.H11	Thủ tục thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo
2	1.003838.000.00.00.H11	Thủ tục cấp phép cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể tại địa phương
3	1.009399.000.00.00.H11	Thủ tục tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu
4	1.003676.000.00.00.H11	Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội cấp tỉnh
5	1.001833.000.00.00.H11	Thủ tục tiếp nhận thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật (thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch)
6	1.001809.000.00.00.H11	Thủ tục cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật (thẩm quyền của ủy ban nhân dân cấp tỉnh)
7	1.001778.000.00.00.H11	Thủ tục cấp giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ
8	1.001738.000.00.00.H11	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc (thẩm quyền của ủy ban nhân dân cấp tỉnh)
9	1.001704.000.00.00.H11	Thủ tục cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp

		ảnh tại Việt Nam (thẩm quyền của ủy ban nhân dân cấp tỉnh)
10	1.001671.000.00.00.H11	Thủ tục cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm (thẩm quyền của ủy ban nhân dân cấp tỉnh)
11	1.001229.000.00.00.H11	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại
12	1.001211.000.00.00.H11	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại
13	1.001191.000.00.00.H11	Thủ tục cấp lại giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại
14	1.001182.000.00.00.H11	Thủ tục cấp lại giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại
15	1.001147.000.00.00.H11	Thủ tục thông báo tổ chức triển lãm do tổ chức ở địa phương hoặc cá nhân tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại
16	1.009403.000.00.00.H11	Thủ tục ra nước ngoài dự thi người đẹp, người mẫu
17	1.004639.000.00.00.H11	Thủ tục cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam
18	1.004666.000.00.00.H11	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép thành lập văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam
19	2.001496.000.00.00.H11	Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu cấp tỉnh
20	1.008896.000.00.00.H11	Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập, thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam
21	1.008897.000.00.00.H11	Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập, thư viện của tổ chức cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam
22	1.000983.000.00.00.H11	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng
23	1.003441.000.00.00.H11	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường

		hợp thay đổi nội dung ghi trong giấy chứng nhận
24	1.004623.000.00.00.H11	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa
25	1.004614.000.00.00.H11	Thủ tục cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch
26	1.004503. 000.00.00.H11	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch
27	1.004580. 000.00.00.H11	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch
28	1.004572. 000.00.00.H11	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch
29	1.003717. 000.00.00.H11	Cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài
30	2.001589. 000.00.00.H11	Thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp giải thể
31	1.001432. 000.00.00.H11	Thủ tục cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa
32	1.001837. 000.00.00.H11	Thủ tục chấm dứt hoạt động của văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài
33	1.004605. 000.00.00.H11	Thủ tục cấp giấy chứng nhận khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch nội địa và hướng dẫn viên du lịch quốc tế
34	1.003240. 000.00.00.H11	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp chuyển địa điểm đặt trụ sở của văn phòng đại diện
35	1.003275. 000.00.00.H11	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp giấy phép thành lập văn phòng đại diện bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy
36	1.005161. 000.00.00.H11	Thủ tục điều chỉnh giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài
37	1.003002.000.00.00.H11	Thủ tục gia hạn giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài
38	1.003645.000.00.00.H11	Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội cấp huyện
39	1.003.635.000.00.00.H11	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp huyện
40	1.008.898.000.00.00.H11	Thủ tục thông báo thành lập đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở

		giáo dục khác ngoài công lập và thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng
41	1.008.899.000.00.00.H11	Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng
42	1.008.900.000.00.00.H11	Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng
VI	**Sở Giao thông vận tải: 07 TTHC**	
1	1.000028.000.00.00.H11	Cấp giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ
2	1.001826.000.00.00.H11	Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng
3	1.002030.000.00.00.H11	Cấp giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng lần đầu
4	1.002809.000.00.00.H11	Đổi giấy phép lái xe do ngành giao thông vận tải cấp
5	1.002852.000.00.00.H11	Cấp lại giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào
6	1.008029.000.00.00.H11	Thủ tục cấp lại biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch
7	2.000881.000.00.00.H11	Sang tên chủ sở hữu xe máy chuyên dùng trong cùng một tỉnh, thành phố
VII	**Sở Thông tin và Truyền thông: 01 TTHC**	
1	1.010902.000.00.00.H11	Sửa đổi, bổ sung văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính (cấp tỉnh)
VIII	**Sở Tài chính: 01 TTHC**	
1	1.005419.000.00.00.H11	Quyết định sử dụng tài sản công để tham gia dự án đầu tư theo hình thức đối tác công - tư
IX	**Sở Giáo dục và Đào tạo: 08 TTHC**	
2	1.000181.000.00.00.H11	Cấp phép hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa
2	1.001942.000.00.00.H11	Đăng ký xét tuyển trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành giáo dục mầm non

3	1.004889.000.00.00.H11	Công nhận bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam
4	1.005053.000.00.00.H11	Thành lập, cho phép thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học
5	1.005061.000.00.00.H11	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học
6	2.000011.000.00.00.H11	Công nhận huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ
7	2.002478.000.00.00.H11	Chuyển trường đối với học sinh trung học phổ thông
8	2.002593.000.00.00.H11	Đề nghị đánh giá, công nhận "đơn vị học tập" cấp tỉnh
X	**Sở Y tế: 04 TTHC**	
1	1.004571.000.00.00.H11	Điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)
2	1.004532.000.00.00.H11	Cho phép hủy thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
3	1.004529.000.00.00.H11	Cho phép mua thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
4	1.002600.000.00.00.H11	Cấp số tiếp nhận phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm sản xuất trong nước